TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2019/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 21 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 281/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2018, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông **Nguyễn Phú N**, sinh năm 1990

2. Bà **Phan Thị Phương L**, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Số 32, đường P, tổ 82, phường A, quận S, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông N, bà L đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 14/04/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà cha mẹ ông N tại số 14, đường T, phường M, quận S, thành phố Đ. Đến tháng 9/2014, chị L về nhà cha mẹ chị L sinh con. Tháng 9/2014, do ông N vi phạm pháp luật nên phải thi hành án đến tháng 6/2018 thì trở về, hai vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông N, bà L thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho vợ chồng ông N, bà L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông N, bà L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần

áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông N, bà L.

[2] Về con chung: Ông N và bà L xác định có 01 con chung là Nguyễn Phan Linh K, sinh ngày 20/9/2014. Thuận tình ly hôn, ông N và bà L thỏa thuận: giao con Nguyễn Phan Linh Kha cho bà Phan Thị Phương L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Phú N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2019. Xét, ông N và bà L tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông N và bà L.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về lệ phí HNGĐ sơ thẩm: Ông N và bà L mỗi người chịu 150.000 đồng (bà L tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền lệ phí thay cho ông N) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0007573 ngày 26/12/2018.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phú N và bà Phan Thị Phương L thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2014, quyển số 01/2017 do Ủy ban nhân dân phường M, quận S, thành phố Đ cấp ngày 14/4/2014 không còn giá trị pháp lý)

- Về con chung: Giao con Nguyễn Phan Linh Kha, sinh ngày 20/9/2014 cho bà Phan Thị Phương L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Phú N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2019.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐ sơ thẩm: Ông N và bà L mỗi người chịu 150.000 đồng (bà L tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền lệ phí thay cho ông N) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0007573 ngày 26/12/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị

kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường M;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Đức Tài